TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2022/DS-PT
Ngày: 28-11-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

2. Bà Lê Thị Anh Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Từ Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5455/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15186/2022/QĐPT-DS ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông NTT, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: 161/29/13 đường 30/4, phường TD, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông NTD, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: 42/1 đường số 02, Cư xá C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ông NTD – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, hòa giải nguyên đơn ông NTT trình bày:

Vào ngày 23/06/2017 ông có cho ông NTD vay số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận. Việc cho vay có làm hợp đồng công chứng tại Phòng Công chứng Đ, tỉnh Đồng Nai. Để đảm bảo trả nợ vay, ông NTD giao cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại 72/1 xã H2, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai, số BV 344882 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014.

Đến ngày 08/09/2017 ông có cho ông NTD vay tiền lần thứ 2, số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Hai bên có làm giấy viết tay, ông NTD đã ký tên lăn tay trên giấy vay tiền và cam kết trả lãi và vốn đúng hạn. Do ông NTD đã không trả lãi từ tháng 10/2017, cũng không trả lại vốn mà cố ý lẫn tránh nên ông khởi kiện để đòi số nợ.

Quá trình khởi kiện, gia đình ông NTD là bà NTKO và em gái ông NTD đã liên lạc với ông để thỏa thuận chuộc giấy tờ nhà đất. Sau khi thỏa thuận, bà NTKOđã trả cho ông NTD số tiền 185.000.000 đồng là số tiền ông NTD vay nợ lần 1. Ông đã trao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã vay thế chấp có công chứng cho phía bị đơn. Việc giao trả có viết giấy nhận tiền và trả giấy chứng nhận do ông viết, bà NTKO ký xác nhận và ông NTD kí chứng kiến.

Đến ngày 19/03/2018 ông thay đổi nội dung đơn khởi kiện. Theo đó, ông chỉ yêu cầu ông NTD phải trả nợ gốc của khoản vay lần 2, số tiền là 150.000.000 đồng và lãi suất 2%/1 tháng. Cụ thể ông NTT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông NTD phải trả cho ông số nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 2%/1 tháng tính từ tháng 8/2018 đến nay, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, hòa giải bị đơn ông NTD trình bày:

Ông có vay tiền ông NTT tổng cộng 2 lần, tổng số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng đã trả xong cả gốc và lãi là 185.000.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu) đồng và đã nhận lại bản chính giấy chủ quyền nhà đất. Việc giao trả có giấy nhận tiền của ông Thuận, người trả tiền là cô ruột của ông là bà NTKO. Đến thời điểm hiện tại ông không còn nợ nần gì với ông NTT nữa. Về chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày thì ông có nộp cho Tòa án một giấy nhận tiền không đề ngày tháng năm của ông NTT. Ngoài ra, ông không bổ sung chứng cứ gì thêm.

Về hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 23/06/2017 và giấy vay tiền ngày 08/9/2017 ông sẽ có bản tường trình cụ thể cung cấp cho Tòa án sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông NTT vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án xét xử buộc ông NTD phải trả cho ông số nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 2%/1 tháng tính từ tháng 08/2018 đến ngày xét xử là tháng 08/2022, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cụ thể số tiền lãi là 144.000.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 294.000.000 đồng.

- Nguyên đơn xác định số tiền 185.000.000 đồng nhận từ bà NTKO là khoản tiền gốc 80.000.000 đồng và 105.000.000 đồng là khoản tiền lãi của 2 khoản tiền 80.000.000đồng và 150.000.000đồng, lãi suất 5%/1 tháng.

- Bị đơn ông NTD vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông NTT.

Buộc ông NTD phải có trách nhiệm thanh toán cho ông NTT số tiền nợ gốc 150.000.000đồng và tiền lãi 75.000.000đồng. Tổng số tiền là: 225.000.000đồng.

Thực hiện thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông NTT có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông NTD không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng ông NTD còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NTD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.250.000đồng.

Ông NTT thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, bị đơn là ông NTD nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông NTD trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã không xem xét hết toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngoài ra nguyên đơn đã không thành thật cung cấp chứng cứ cho Tòa án khi khởi kiện, theo đó ông chỉ vay nguyên đơn tổng cộng 02 lần là 150.000.000đồng và đã trả cho nguyên đơn 185.000.000đồng gồm 150.000.000đồng tiền gốc và 35.000.000đồng tiền lãi, vì ông đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi nên nguyên đơn mới trả lại cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà NTKO trình bày: Bà xác nhận ông NTD có nhờ bà trả số tiền 185.000.000đồng cho ông NTT để chuộc lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014. Số tiền này là trả cho khoản vay gốc 150.000.000đồng và 35.000.000đồng tiền lãi mà ông NTD nợ ông NTT theo giấy vay tiền ngày 08/9/2017 chứ không phải trả cho khoản nợ 80.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 23/6/2017 như nguyên đơn trình bày, khoản nợ 80.000.000đồng này thực tế là vay 100.000.000đồng ngày 23/6/2017 cộng dồn với khoản vay sau

50.000.000đồng ngày 08/9/2017 nên ông NTD mới ký nhận nợ 150.000.000đồng vào ngày 08/9/2017. Như vậy, phía ông NTD đã trả dứt điểm nợ vay cho ông NTT và không còn nợ ông NTT bất kỳ khoản tiền nào. Hiện tại ông NTD đã trả lại cho bà số tiền 185.000.000đồng và bà cũng đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014 cho ông NTD nên bà không còn liên quan gì trong vụ án này.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận A theo nội dung phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông NTD trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kiều Oanh trình bày ông NTD có nhờ bà trả số tiền 185.000.000đồng cho ông NTT để chuộc lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014. Hiện tại ông NTDđã trả lại cho bà số tiền 185.000.000đồng và bà cũng đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014 cho ông NTD nên bà không còn liên quan gì trong vụ án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà NTKO tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về số tiền nợ gốc:

Theo Hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản công chứng tại Văn Phòng Công chứng Đ ngày 23/6/2017 thể hiện nội dung: Ông NTD có vay của ông NTT số tiền 80.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay do hai bên thỏa

thuận. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông NTD có thế chấp cho ông NTT quyền sử dụng đất của ông NTD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2014.

Theo Giấy vay tiền đề ngày 08/9/2017 thể hiện nội dung: Ông NTD có vay của ông NTT số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông NTD thừa nhận có ký 02 hợp đồng vay nêu trên nhưng chỉ thừa nhận số tiền vay thực tế là 150.000.000đồng. Tuy nhiên, ông NTD không xuất trình được chứng cứ chứng minh về số tiền vay thực tế và ông NTT cũng không thừa nhận lời trình bày của ông NTD nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 02 hợp đồng vay xác định số tiền nợ gốc là 230.000.000đồng (gồm 80.000.000đồng theo hợp đồng vay ngày 23/6/2017 và 150.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 08/9/2017).

[2.2] Về lãi suất:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2017, ông NTT xác định lãi suất của 02 hợp đồng vay là 1%/tháng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2018 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/3/2018 ông NTT lại xác định lãi suất là 2%/tháng và bản kê khai ngày 14/5/2019 mà ông NTT gửi Tòa án nhân dân Quận A thì ông NTT lại xác định lãi suất là 5%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NTT xác định lãi suất là 2%/tháng nhưng ông NTD xác định lãi suất của 02 hợp đồng vay là 5%/tháng.

Như vậy, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi suất cho vay giữa các bên là 10%/năm.

[2.3] Về số tiền đã trả:

Theo giấy nhận tiền không đề ngày tháng năm có nội dung ông NTT có nhận của bà NTKO số tiền 185.000.000đồng, ông NTT trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882 cho bà NTKO. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định số tiền 185.000.000đồng mà bà NTKO đã trả cho ông NTT là trả nợ thay cho ông NTD nhưng các bên không xác định được là trả cho khoản vay của hợp đồng nào. Hội đồng xét xử xét thấy, khi ông NTT nhận số tiền 185.000.000đồng từ bà NTKO thì ông cũng đã trả lại cho bà NTKO Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344882. Như vậy, việc nhận tiền và trả giấy là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản được công chứng ngày 23/6/2017. Do đó, có cơ sở xác định số tiền 185.000.000đồng là trả cho hợp đồng vay và thế chấp được công chứng ngày 23/6/2017.

Theo bản kê khai giải trình ngày 14/5/2019, ông NTT cho rằng số tiền 185.000.000đồng đã nhận từ bà NTKO gồm 80.000.000đồng tiền gốc và 105.000.000đồng là khoản tiền lãi của 02 khoản vay 80.000.000đồng và

150.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018. Hội đồng xét xử xét thấy giải trình của ông NTTđưa ra là không có cơ sở bởi lẽ theo cách tính lãi của 02 khoản vay 80.000.000đồng và 150.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018 (06 tháng) thì không khớp với số tiền lãi 105.000.000đồng và mức lãi suất cũng vượt quá quy định của pháp luật. Do đó, cần phải xác định lại số tiền lãi của hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản được công chứng ngày 23/6/2017 như đã nhận định tại mục [2.2]; Cụ thể số tiền lãi tính đến thời điểm trả nợ gốc là: 80.000.000đồng x 10%/năm x 09 tháng = 6.000.000đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi mà ông NTD phải trả cho ông NTT theo hợp đồng vay và thế chấp được công chứng ngày 23/6/2017 là: 80.000.000đồng + 6.000.000đồng = 86.000.000đồng.

Do ông NTD đã trả cho ông Thuận số tiền 185.000.000đồng nên số tiền đã trả vượt quá là 185.000.000đồng – 86.000.000đồng = 99.000.000đồng sẽ được trừ vào khoản vay của ông NTD theo giấy vay tiền ngày 08/9/2017.

Xét giấy vay tiền ngày 08/9/2017, ông NTT yêu cầu tính lãi từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2022 (4 năm). Như vậy, số tiền lãi của giấy vay tiền ngày 08/9/2017 là: 150.000.000đồng x 10%/năm x 4 năm = 60.000.000đồng.

Như vậy số tiền mà ông NTD phải thanh toán cho ông NTT là 150.000.000đồng + 60.000.000đồng – 99.000.000đồng = 111.000.000đồng (Một trăm mười một triệu đồng).

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông NTD, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NTT yêu cầu ông NTD trả số tiền 111.000.000đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông NTT yêu cầu ông NTD trả số tiền 183.000.000đồng.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NTT, ông NTD là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Luật người cao tuổi.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông NTD không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến Dũng.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông NTT.

Buộc ông NTD có trách nhiệm trả cho ông NTT số tiền 111.000.000 (Một trăm mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông NTT yêu cầu ông NTD trả số tiền 183.000.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NTD, ông NTT thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông NTD số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, đã nộp theo biên lai số 0007544 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Huỳnh Tú